

ID, CLASS VÀ CÁC THUỘC TÍNH VỀ FONT , TEXT TRONG CSS

I. ID SELECTOR VÀ CLASS SELECTOR

1. Thuộc tính ID trong CSS

- ✓ ID là thuộc tính có tính duy nhất trong thẻ (tag) HTML và trong cả văn bản HTML
- ✓ CSS sẽ dựa vào thuộc tính ID để nhận biết và quy định sự khác nhau của Style cho những thành phần đó

Cú pháp

Id= “ Tên_ID ”

Trong đó: Tên_ID phải được viết liền, có thể chứa chữ số, chữ cái, dấu _, - và không được chứa khoảng trắng cùng các ký tự đặc biệt

- ✓ **Cú pháp triệu gọi ID trong CSS**

```
#Tên_ID { thuộc_tính_1: giá_trị; ... thuộc_tính_N: giá_trị; }
```

***Chú ý:** Có thể đặt trùng tên ID trong văn bản HTML cũng không gây ra lỗi nhưng nó sẽ làm mất đi bản chất của thuộc tính ID.*

2. Thuộc tính Class trong CSS

- ✓ Class là một nhóm các phần tử có cùng thuộc tính, như vậy Class có thể được sử dụng nhiều lần cho nhiều thẻ HTML khác nhau
- ✓ CSS sẽ dựa vào những phần tử có cùng Class để nhận biết và quy định sự giống nhau về Style cho những phần tử đó.

Cú pháp

Class= “Tên_class_1 Tên_class_2... Tên_class_N”

Trong đó: Tên_class phải được viết liền, có thể chứa chữ số, chữ cái, dấu _, - và không được chứa khoảng trắng cùng các ký tự đặc biệt

- ✓ **Cú pháp triệu gọi Class trong CSS**

```
.Tên_class { thuộc_tính_1: giá_trị; ... thuộc_tính_2: giá_trị; }
```

II. CÁC THUỘC TÍNH VỀ FONT CHỮ TRONG CSS

1. Font-family

Cú pháp

Selector { font-family: giá_trị; }

- ✓ Thuộc tính **font-family** sử dụng để thiết lập font chữ cho thành phần
- ✓ Giá trị của thuộc tính font-family là tên font chữ

2. Font-style

Cú pháp

Selector { font-style: giá_trị; }

- ✓ Thuộc tính **font-style** sử dụng để thiết lập kiểu chữ cho thành phần
- ✓ Giá trị của thuộc tính font-style
 - **Italic** : Kiểu chữ in nghiêng
 - **Normal**: Kiểu chữ thường

3. Font-variant

Cú pháp

Selector { font-variant: small-caps; }

- ✓ Thuộc tính **font-variant** sử dụng để thiết lập kiểu chữ in hoa nhỏ
- ✓ Giá trị của thuộc tính font-variant là small-caps

4. Font-weight

Cú pháp

Selector { font-weight: giá_trị; }

- ✓ Thuộc tính **font-weight** sử dụng để thiết lập độ đậm cho ký tự
- ✓ Giá trị của thuộc tính font-weight
 - **Normal** : Chữ thường
 - **Bold**: Chữ in đậm
 - **100 – 900**: Tăng dần độ đậm cho chữ

5. Font-size

Cú pháp

Selector { font-size: giá_trị; }

- ✓ Thuộc tính **font-size** sử dụng để thiết lập cỡ chữ
- ✓ Giá trị của thuộc tính font-size là giá trị độ dài

Cú pháp viết rút gọn

Selector { font: <font-style> | <font-variant> | <font-weight> | <font-size> | <font-family>; }

```
<!DOCTYPE HTML>
<html>
  <head>
    <title>Tiêu đề văn bản HTML</title>
    <style>
      #id_name {
        font-style: italic;
        font-variant: small-caps;
        font-weight: bold;
        font-size: 30px;
        font-family: arial;
      }
    </style>
  </head>
  <body>
    <div id="id_name">Học viện công nghệ VietPro</div>
  </body>
</html>
```

Cú pháp viết rút gọn

```
<!DOCTYPE HTML>
<html>
  <head>
    <title>Tiêu đề văn bản HTML</title>
    <style>
      #id_name {
        font: italic small-caps bold 30px arial;
      }
    </style>
  </head>
  <body>
    <div id="id_name">Học viện công nghệ VietPro</div>
  </body>
</html>
```

III. CÁC THUỘC TÍNH VỀ TEXT TRONG CSS

1. Color

Cú pháp

Selector { color: giá_trị; }

- ✓ Thuộc tính **color** sử dụng để thiết lập màu chữ cho đoạn text
- ✓ Giá trị của thuộc tính color là tên màu (tiếng anh) hoặc mã màu

2. Text-indent

Cú pháp

Selector { text-indent: giá_trị; }

- ✓ Thuộc tính **text-indent** sử dụng để thiết lập khoảng thụt đầu dòng cho đoạn text
- ✓ Giá trị của thuộc tính text-indent là giá trị độ dài

3. Text-align

Cú pháp

Selector { text-align: giá_trị; }

- ✓ Thuộc tính **text-align** sử dụng để thiết lập vị trí cho đoạn text so với thành phần bao ngoài của nó
- ✓ Giá trị của thuộc tính text-align
 - **Left**: nằm về bên trái
 - **Right**: nằm về bên phải
 - **Center**: nằm ở giữa
 - **Justify**: cách đều 2 bên

4. Letter-spacing

Cú pháp

Selector { letter-spacing: giá_trị; }

- ✓ Thuộc tính **letter-spacing** sử dụng để thiết lập khoảng cách giữa các ký tự trong văn bản
- ✓ Giá trị của thuộc tính letter-spacing là giá trị độ dài

5. Word-spacing

Cú pháp

Selector { word-spacing: giá_trị; }

- ✓ Thuộc tính **word-spacing** sử dụng để thiết lập khoảng cách giữa các từ trong văn bản
- ✓ Giá trị của thuộc tính word-spacing là giá trị độ dài

6. Line-height

Cú pháp

Selector { line-height: giá_trị; }

- ✓ Thuộc tính **line-height** sử dụng để thiết lập khoảng cách giữa các dòng trong văn bản
- ✓ Giá trị của thuộc tính line-height là giá trị độ dài

7. Text-decoration

Cú pháp

Selector { text-decoration: giá_trị; }

- ✓ Thuộc tính **text-decoration** sử dụng để định dạng kiểu chữ
- ✓ Giá trị của thuộc tính text-decoration
 - **Underline**: gạch chân
 - **Line-through**: gạch ngang
 - **Overline**: gạch trên

8. Text-transform

Cú pháp

Selector { text-transform: giá_trị; }

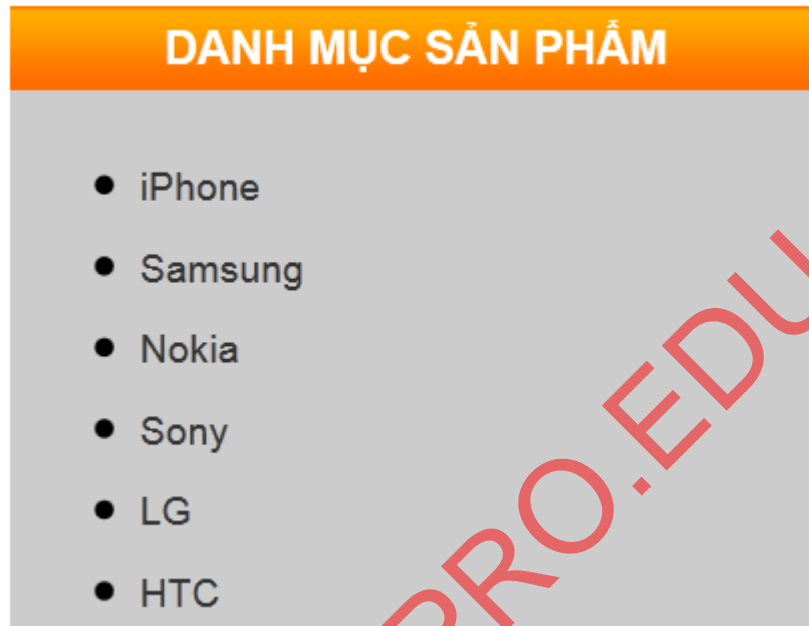
- ✓ Thuộc tính **text-transform** sử dụng để thiết lập kiểu chữ
- ✓ Giá trị của thuộc tính text-transform
 - **Uppercase**: chữ in hoa
 - **Lowercase**: chữ in thường
 - **Capitalize**: viết hoa chữ cái đầu tiên của mỗi từ
 - **None**: không áp dụng hiệu ứng (mặc định)

```
<!DOCTYPE HTML>
<html>
  <head>
    <title>Tiêu đề văn bản HTML</title>
    <style>
      #id_name {
        color: red;
        text-indent: 20px;
        text-align: center;
        letter-spacing: 3px;
        word-spacing: 10px;
        line-height: 10px;
        text-decoration: capitalize;
        text-transform: Uppercase;
      }
    </style>
  </head>
  <body>
    <div id="id_name">Học viện công nghệ VietPro</div>
  </body>
</html>
```

IV. BÀI TẬP

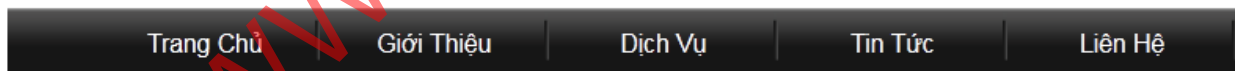
1. Bài tập Thực hành

Bài 1. Thiết kế mẫu “MENU DỌC” theo như hình dưới đây. Các bạn hãy mở File css-01.html bằng Trình duyệt web trong thư mục Bài Tập để tham khảo và làm theo.



2. Bài tập Về nhà

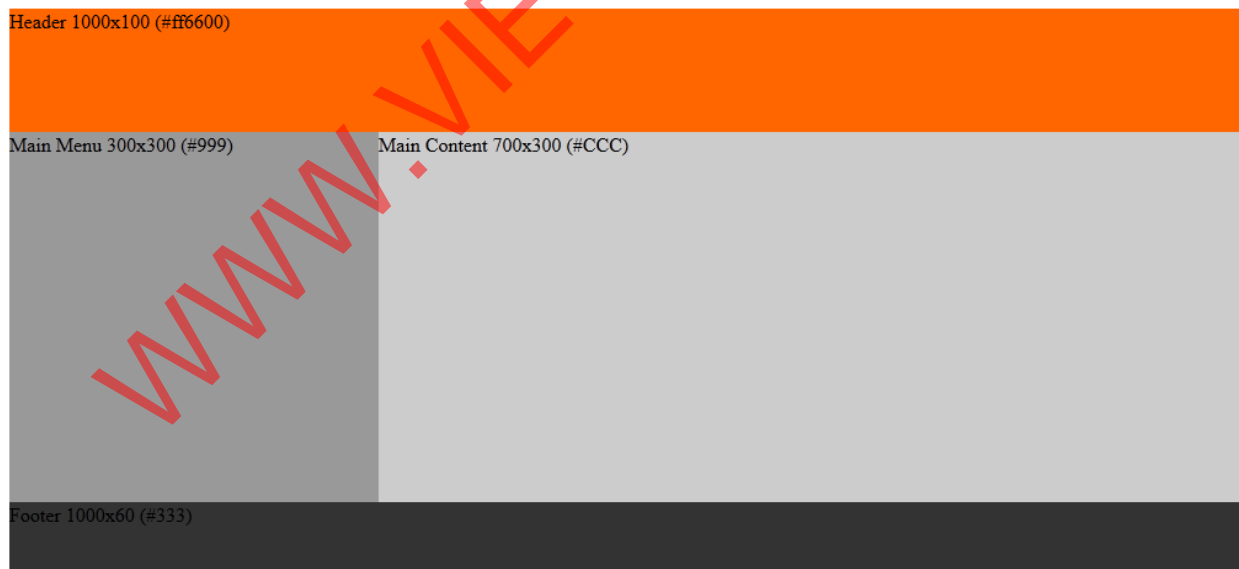
Bài 2. Thiết kế mẫu “MENU NGANG” theo như hình dưới đây. Các bạn hãy mở File css-02.html bằng Trình duyệt web trong thư mục Bài Tập để tham khảo và làm theo.



Bài 3. Thiết kế mẫu “GIAO DIỆN 1 CỘT” theo như hình dưới đây có áp dụng ID Selector (Không sử dụng Style nội tuyến). Các bạn hãy mở File html-03.html bằng Trình duyệt web trong thư mục Bài Tập để tham khảo và làm theo.



Bài 4. Thiết kế mẫu “GIAO DIỆN 2 CỘT” theo như hình dưới đây có áp dụng ID Selector (Không sử dụng Style nội tuyến). Các bạn hãy mở File html-04.html bằng Trình duyệt web trong thư mục Bài Tập để tham khảo và làm theo.



Bài 5. Thiết kế mẫu “GIAO DIỆN 3 CỘT” theo như hình dưới đây có áp dụng ID & Class Selector (Không sử dụng Style nội tuyến). Các bạn hãy mở File html-05.html bằng Trình duyệt web trong thư mục Bài Tập để tham khảo và làm theo.

